

Số: /BC-SCT

Quảng Trị, ngày tháng 11 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình phát triển công nghiệp, thương mại trong tháng 11 năm 2023**

## **I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP VÀ KINH DOANH THƯƠNG MẠI**

### **1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp**

#### **1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:**

Tháng 11 năm 2023, hoạt động sản xuất công nghiệp tiếp tục được duy trì mức tăng trưởng khá. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tính tăng 3,24% so với tháng trước và tăng 11,3% so với tháng cùng kỳ năm trước<sup>1</sup>.

Tính chung 11 tháng đầu năm 2023, hoạt động sản xuất công nghiệp vẫn tiếp tục phát triển ổn định, các doanh nghiệp mới đi vào hoạt động làm tăng năng lực sản xuất, các doanh nghiệp có nguồn nguyên liệu và thị trường tiêu thụ ổn định tăng trưởng khá. Chỉ số sản xuất công nghiệp ước tính tăng 9,44% so với cùng kỳ năm trước trong đó động lực tăng trưởng chủ yếu vẫn là ngành sản xuất và phân phối điện tăng rất cao (+21,61%) so với cùng kỳ<sup>2</sup>, do có các dự án điện gió mới đi vào vận hành thương mại làm tăng năng lực sản xuất; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đã có dấu hiệu tích cực nhờ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp về vốn, giảm thuế trong những tháng cuối năm 2023.

#### **1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:**

Tháng 11/2023, một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu so với tháng cùng kỳ năm trước tăng cao như: Bia lon tăng 127,53%; quặng inmenit tăng 67,69%; ván ép tăng 62,19%; tấm lợp pro xi măng tăng 61,7%; điện sản xuất tăng 22,07%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm: Gỗ cưa, gỗ xẻ giảm 40,89%; đá xây dựng giảm 30,38%; nước hoa quả giảm 28,4%; nước hoa quả tăng lực tăng 28,4%; gạch xây dựng giảm 9,6%; dăm gỗ giảm 5,63% so tháng cùng kỳ năm trước.

Một số sản phẩm chủ yếu trong 11 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước tăng cao như: Bia lon tăng 119,31%; gạch khối bằng bê tông tăng 92,89%; điện sản xuất tăng 25,79%... Một số sản phẩm tăng ổn định như: Điện thương

---

<sup>1</sup>Trong đó: Ngành công nghiệp khai khoáng tăng 7,64%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,13%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 15,85%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 11,4% so với cùng kỳ năm trước.

<sup>2</sup>Trong đó: ngành khai khoáng tăng 0,63%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,73%; sản xuất và phân phối điện tăng 21,61%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,74%. Chỉ số sản xuất ngành khai khoáng chững lại do nguồn quặng ngày càng hạn chế, công tác quản lý hoạt động khai thác khoáng sản chặt chẽ hơn; chỉ số sản xuất ngành sản xuất và phân phối điện tăng khá cao do có thêm dự án điện gió mới đi vào vận hành và các dự án điện vận hành trước đây hoạt động với công suất tốt hơn.

phẩm tăng 8,06%; com lê, quần áo tăng 7,71%; nước máy tăng 7,96%; tinh bột sắn tăng 1,97%. Một số sản phẩm giảm như: Phân hóa học giảm 2,44%; dầu nhựa thông giảm 2,93%; dăm gỗ giảm 3,02%; nước hoa quả, tăng lực giảm 4,15%; lốp dùng cho xe máy, xe đạp giảm 5,96%; đá xây dựng giảm 7,45%; gạch xây dựng bằng đất sét nung giảm 9,6%; sắt dùng cho xe máy, xe đạp giảm 11,85%; xi măng giảm 12,5%; tấm lợp pro xi măng giảm 13,7%; ván ép giảm 20,11%; gỗ cưa hoặc xẻ giảm 32,88% so cùng kỳ năm trước...Các sản phẩm giảm mạnh do khó khăn trong khâu tiêu thụ, đơn hàng xuất khẩu (*sản phẩm từ gỗ, sản phẩm từ cao su*) giảm do kinh tế thế giới suy giảm.

## **2. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ**

### **2.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng:**

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong tháng 11/2023 ước đạt 2.423,66 tỷ đồng, giảm 0,65% so với tháng trước và tăng 9,53% so với cùng kỳ năm trước<sup>3</sup>.

Trong 11 tháng năm 2023, hoạt động thương mại và dịch vụ khá sôi động do kinh tế tiếp tục phục hồi, nhu cầu tiêu dùng tăng lên; nhất là hoạt động lưu trú và ăn uống. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 28.013,49 tỉ đồng, tăng 14,82% so với cùng kỳ năm trước (*11 tháng năm 2022 tăng 13,5%*)<sup>4</sup> và đạt 87,5% so với kế hoạch năm 2023.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 11/2023 tăng 0,36% so với tháng trước, tăng 3,23% so với tháng 12 năm trước và tăng 3,08% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 11 tháng năm 2023 tăng 3,46% so với cùng kỳ năm trước (*11 tháng năm 2022 tăng 3,86%*).

*(Nguồn số liệu từ Cục Thống kê Quảng Trị)*

## **II. CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC TRÊN LĨNH VỰC CÔNG THƯƠNG**

- Hoàn chỉnh báo cáo đánh giá giữa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII; Chuẩn bị nội dung làm việc với Thường trực Tỉnh ủy về tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển công nghiệp, thương mại và tình hình phát triển năng lượng, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Tỉnh ủy, BCS Đảng UBND tỉnh, UBND tỉnh giao trong năm 2023 và đề xuất chương trình công tác năm 2024. Tổ chức phổ biến, quán triệt và triển khai thực hiện các nội dung của các Nghị quyết của Chính phủ về Phiên họp Chính phủ thường kỳ hàng tháng của năm 2023 và Hội

---

<sup>3</sup> Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa 1.916,51 tỷ đồng, giảm 1,58% và tăng 8,5%; doanh thu lưu trú và ăn uống 385,54 tỷ đồng, tăng 3,18% và tăng 21,59%; doanh thu du lịch lữ hành không phát sinh; doanh thu dịch vụ khác 121,61 tỷ đồng, tăng 2,57% và giảm 5,97%

<sup>4</sup> Trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa ước tính đạt 18.496,65 tỷ đồng, chiếm 79,85% tổng mức và tăng 14,90% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước tính đạt 3.496,56 tỷ đồng, chiếm 15,09% tổng mức và tăng 28,13% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu du lịch lữ hành ước tính đạt 3,50 tỷ đồng, chiếm 0,02% tổng mức và tăng 33,69% so với cùng kỳ năm trước; Doanh thu dịch vụ khác ước tính đạt 1.168,96 tỷ đồng, chiếm 5,04% tổng mức và tăng 2,26% so với cùng kỳ năm trước.

ngộ trực tuyến Chính phủ với địa phương. Trọng tâm là nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trên lĩnh vực công nghiệp, thương mại; tập trung tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hoàn thành báo cáo phục vụ công tác tổng kết ngành Công Thương năm 2023; Báo cáo công tác chỉ đạo, điều hành năm 2023; tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, năm 2023; Tổ chức lấy ý kiến báo cáo đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xác định chỉ số cải cách hành chính năm 2023.

- Tổng hợp đề xuất các chỉ tiêu kế hoạch phát triển công nghiệp, thương mại năm 2024; tham mưu thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh theo Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của UBND tỉnh; triển khai thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh về việc thực hiện Kết luận số 277/KL-HĐND ngày 05/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với Nghị quyết 39/2020/NQ-HĐND; Dự thảo Kế hoạch phối hợp trong công tác Điều tra thống kê quốc gia Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp năm 2024.

- Tiếp tục hỗ trợ ngành điện triển khai đầu tư Dự án Trạm biến áp 500kV, đường dây đấu nối tại Quảng Trị hoàn thành đồng bộ giải tỏa công suất các dự án nguồn điện trên địa bàn; Ban hành Kế hoạch kiểm tra hoạt động điện lực tại Điện lực Khe Sanh và Điện lực Thành Cổ. Tham gia Hội nghị trực tuyến của Chính phủ về Kế hoạch thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2045 (*QH điện VIII*); Tham gia Đoàn công tác làm việc với Đại sứ quán Hàn Quốc tại Hà Nội.

- Tổ chức đoàn kiểm tra an toàn thực phẩm tại các đơn vị, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm; Chuẩn bị nội dung kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các đơn vị hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; Đôn đốc cấp huyện báo cáo rà soát hiện trạng đầu tư kết cấu hạ tầng Cụm công nghiệp; Báo cáo kết quả kiểm tra định kỳ năm 2023 về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của ngành Công Thương; Báo cáo công tác hậu kiểm về an toàn thực phẩm năm 2023 của ngành Công Thương.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt danh mục chương trình Xúc tiến thương mại tỉnh 2024; Tổ chức Đoàn giao thương Xúc tiến tiêu thụ sản phẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai; Hoàn thiện tổng hợp ý kiến của Ủy viên UB và trình UBND tỉnh ban hành đối với dự thảo Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 của UBND tỉnh ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại; Tổ chức Chương trình hỗ trợ kết nối sản phẩm đặc trưng, OCOP của tỉnh vào hệ thống siêu thị và cửa hàng nông sản trên địa bàn năm 2023 thuộc Đề án Chương trình XTTM tỉnh 2023.

- Xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2024; Hoàn thành báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ, giải pháp nâng xếp hạng chỉ số B1; báo cáo rà soát văn bản QPPL năm 2023, các danh mục văn bản rà soát và báo cáo chỉ số cải

thiện chất lượng các quy định của pháp luật năm 2023; báo cáo kiểm tra, rà soát VBQPPL; báo cáo thi hành hiến pháp và các VBQPPL của cơ quan nhà nước cấp trên và Nghị quyết HĐND tỉnh năm 2023. Tuyên truyền và hưởng ứng Cuộc thi trắc nghiệm trực tuyến "tìm hiểu chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực".

- Xây dựng, triển khai kế hoạch bổ nhiệm và bổ nhiệm lại cán bộ cấp phòng thuộc thẩm quyền quản lý của Sở. Đôn đốc phân công, cung cấp hồ sơ báo cáo chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ; cải cách hành chính năm 2023; đề xuất giải pháp nhân rộng mô hình phân cấp trong quản lý nhà nước; báo cáo sơ kết 02 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 01-NQ/TU của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính giai đoạn 2021-2025; Báo cáo sơ kết 02 năm thực hiện Chương trình phối hợp thực hiện công tác dân vận; Đánh giá tình hình thực hiện các quy định phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thành các báo cáo tuyên truyền CCHC, TTHC năm 2023 và triển khai các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính trong thời gian tới. Trình UBND tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương. Tuyên truyền cuộc thi tìm kiếm hiến kế trong công tác CCHC ngành Công Thương năm 2023; Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về dịch vụ công trực tuyến.

### **III. MỘT SỐ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM THÁNG 12 NĂM 2023**

- Tập trung hoàn thành các nội dung cam kết giữa Tập thể lãnh đạo và Giám đốc Sở với Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2023; Chương trình công tác trọng tâm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống phần mềm theo dõi nhiệm vụ của tỉnh. Chuẩn bị báo cáo tổng kết năm 2023 và triển khai nhiệm vụ kế hoạch của ngành Công Thương năm 2024; Báo cáo tổng kết các Ban chỉ đạo do Sở làm cơ quan thường trực.

- Triển khai nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh theo Quyết định số 2116/QĐ-UBND ngày 18/9/2023 của UBND tỉnh. Tập trung hỗ trợ, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư các dự án điện gió đã được cấp chủ trương đầu tư sau khi có chủ trương chuyên tiếp về giá. Tham mưu UBND tỉnh việc chuyển đổi dự án Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trị sang Nhà máy điện khí; Hoàn thành công tác GPMB và khởi công Trạm biến áp 500kV Quảng Trị và đường dây đầu nối tại Quảng Trị. Tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng các dự án năng lượng tái tạo đã được quy hoạch; phát triển công nghiệp điện khí, khai thác các tiềm năng khí ngoài khơi tỉnh Quảng Trị.

- Thực hiện, báo cáo các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh (đối với chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp) trong năm 2023. Thực hiện, báo cáo các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh (đối với chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp) trong năm 2023. Chỉ đạo thực hiện và hoàn thành các Đề án thuộc chương trình khuyến công tỉnh và quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2023.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021- 2030.

- Triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ); Quy hoạch phát triển năng lượng Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ) sau khi kế hoạch thực hiện Quy hoạch điện VIII được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hoạt động điện lực tại Điện lực Khe Sanh và Điện lực Thành Cổ.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện kế hoạch đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả các tháng cuối năm 2023; Tham mưu UBND tỉnh ban hành Dự thảo Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu; Ban hành dự thảo Quyết định sửa đổi Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 08/8/2019 ban hành Quy chế Quản lý và thực hiện Chương trình XTTM tỉnh; Triển khai Kế hoạch số 193/KH-UBND, ngày 03/10/2023 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 93/NQ-CP ngày 05/7/2023 của Chính phủ về nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế, thúc đẩy kinh tế phát triển nhanh và bền vững giai đoạn 2023-2030.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau khi Quy hoạch tỉnh được phê duyệt); Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021-2025; Hoàn thành công tác hỗ trợ đưa sản phẩm nông sản đặc trưng của tỉnh (từ 7-10 sản phẩm) vào hệ thống siêu thị, chuỗi cửa hàng bán lẻ hiện đại, điểm trưng bày giới thiệu sản phẩm; Tiếp tục thực hiện các Đề án xúc tiến thương mại và các đề án Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cây con chủ lực của tỉnh do Sở làm đơn vị chủ trì.

- Tiếp tục triển khai Quyết định số 1882/QĐ-UBND, ngày 21/8/2023 của UBND tỉnh về tạm ứng kinh phí để thực hiện dự trữ hàng hóa phục vụ công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn tỉnh năm 2023; Tham mưu UBND tỉnh xây dựng kế hoạch Quỹ bình ổn thị trường những tháng cuối năm và phục vụ Tết Nguyên đán Giáp Thìn năm 2024. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 13/CT-BCT của Bộ Công Thương.

- Phối hợp thực hiện Kế hoạch kiểm tra chuyên ngành theo Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023; Xây dựng Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2024 của Sở Công Thương. Hoàn thành các báo cáo tình hình các nhiệm vụ công tác pháp chế của Sở năm 2023; Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2023.

- Hoàn thành báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và tình hình phát triển công nghiệp, thương mại cả năm 2023. Tổ chức lấy ý kiến và hoàn thành báo cáo tự đánh giá, chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2023; Báo cáo tình hình áp dụng HTQLCL TCVN ISO;

Chỉ đạo triển khai thực hiện kết luận của Phó Thủ tướng CP Trần Lưu Quang tại buổi làm việc với một số bộ, địa phương về công tác cải cách TTHC ngày 16/11/2023.

- Đẩy mạnh phân cấp TTHC và cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ theo chỉ đạo Tổ công tác TTHC Chính phủ tại Công văn số 100/TCTCCTTHC, ngày 14/11/2023; Thành lập Ban Giám khảo và tổ giúp việc chấm thi "Tìm kiếm ý tưởng giải pháp, sáng kiến cải cách hành chính và các giải pháp nâng cao các chỉ số liên quan cải cách hành chính ngành công thương năm 2023"; Báo cáo tình hình và đề xuất giải pháp nhân rộng mô hình phân cấp trong quản lý nhà nước. Báo cáo kết quả khắc phục các chỉ số liên quan CCHC và tình hình cam kết với BCD CCHC tỉnh năm 2023.

- Xây dựng Kế hoạch về tổ chức Hội nghị ngành Công Thương và các Hội nghị, Hội chợ sản phẩm công nghiệp nông thôn khu vực miền Trung - Tây Nguyên năm 2024 trình UBND tỉnh ban hành theo Thông báo số 354/TB-BCT ngày 10/11/2023 của Bộ Công Thương về ý kiến kết luận của Thứ trưởng Nguyễn Sinh Nhật Tân tại Hội nghị ngành Công Thương 15 tỉnh, thành phố khu vực miền Trung - Tây Nguyên lần thứ IX và Thông báo số 23/TB-CTĐP ngày 30/10/2023 của Cục trưởng Cục Công Thương địa phương tại Hội nghị Khuyến công các tỉnh, thành phố khu vực miền Trung - Tây Nguyên lần thứ XIII, năm 2023 tại tỉnh Đắk Nông.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại, công tác quản lý nhà nước của Sở Công Thương trong tháng 11 năm 2023 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 12 năm 2023; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

***Nơi nhận:***

- Cục CTĐP;
- VP UBND tỉnh;
- Sở KH & ĐT; Cục Thống kê;
- GD, các PGD Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Xuân Minh**

**SỞ CÔNG THƯƠNG**

Biểu 01/SCT

**CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP**

Tháng 11 và 11 tháng đầu năm 2023

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 10/2023		Dự ước tháng 11/2023			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 11/2023 so với tháng 11/2022
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
<b>A</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>3</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6</b>
<b>Toàn ngành</b>	<b>242.13</b>	<b>108.28</b>	<b>249.98</b>	<b>103.24</b>	<b>111.30</b>	<b>109.44</b>
1. Công nghiệp khai khoáng	91.94	109.66	94.42	102.70	107.64	100.63
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	211.97	105.50	212.00	100.01	109.13	104.73
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	504.49	114.05	555.34	110.08	115.85	121.61
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	136.48	107.68	130.56	95.66	111.40	106.74

*(Nguồn số liệu từ Cục Thống kê Quảng Trị)*

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị

Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;

- Vụ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 02/SCT-BCT

Ngày nhận b/c: Ngày 25 hàng tháng

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI**  
**Tháng 11 và 11 tháng năm 2023**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
<b>I</b>	<b>Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu</b>	<b>Sản phẩm</b>								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	1469	1424	19737	849	17474	75.08%	174.80%	110.04%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	507.60	547	7139	580	7465	81.44%	92.07%	95.27%
3	Đá xây dựng	M3	30012.45	36258	572619	52080	618710	92.68%	64.28%	95.06%
4	Tinh bột sắn	Tấn	14783	14976	80802	13795	79239	136.88%	94.64%	99.15%
5	Bia lon	1000 lít	3520	4396	28577	1932	13031	179.21%	302.19%	227.78%
6	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	668	900	10743	1257	11208	100.60%	120.34%	102.25%
7	Bộ com-lê, quần áo	1000 cái	2399.73	2254	27557	2034	25584	102.41%	108.94%	107.39%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	3782	4056	50642	6862	75453	111.95%	68.97%	69.55%
9	Dăm gỗ	Tấn	48699	46248	482661	49009	497681	83.91%	100.46%	96.94%
10	Ván ép	M3	21021	21000	182023	12947	227840	105.52%	100.47%	74.46%
11	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	485	455	6492	433	6268	92.99%	130.78%	106.30%



12	Phân hoá học (NPK)	Tấn	4637	4500	38753	4400	39722	134.74%	97.62%	95.45%
13	Lốp xe các loại	1000 cái	300	310	3025	310	3217	106.62%	90.52%	93.07%
14	Săm xe các loại	1000 cái	489	495	5120	475	5808	103.98%	98.28%	86.37%
15	Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gồm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 viên	9574	8803	122022	12197	134977	92.63%	73.26%	92.14%
16	Gạch và gạch khối xây dựng bằng xi măng, bê tông	1000 viên	6503	5789	81701	6306	46140	139.64%	158.69%	192.89%
17	Xi măng	Tấn	13682	19500	202455	17257	231369	128.63%	125.50%	87.70%
18	Tấm lợp pro xi măng	1000 m2	290	190	2174	118	2519	203.57%	114.46%	82.41%
19	Điện sản xuất	Triệu KWh	250	304	2879	249	2289	98.97%	111.41%	126.38%
20	Điện thương phẩm	Triệu KWh	76	70	765	66	708	100.78%	116.42%	108.51%
21	Nước máy	1000 m3	1517	1480	15008	1354	13902	98.16%	109.20%	107.35%
<b>II</b>	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>2439.60</b>	<b>2481.90</b>	<b>25632.1</b>	<b>2212.82</b>	<b>22186.53</b>	<b>101.73%</b>	<b>112.16%</b>	<b>115.53%</b>
<b>1</b>	<b>Doanh thu bán lẻ hàng hóa</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>1947.18</b>	<b>1916.51</b>	<b>20469.30</b>	<b>1771.73</b>	<b>17976.03</b>	<b>98.42%</b>	<b>108.50%</b>	<b>113.87%</b>
<b>2</b>	<b>Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ</b>		<b>523.10</b>	<b>508.90</b>	<b>22359.93</b>	<b>431.89</b>	<b>4284.43</b>	<b>97.29%</b>	<b>117.83%</b>	<b>120.50%</b>
<b>2.1</b>	<b>Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>401.20</b>	<b>387.80</b>	<b>3881.20</b>	<b>305.26</b>	<b>3028.98</b>	<b>96.66%</b>	<b>127.04%</b>	<b>128.14%</b>
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		373.66	385.54	4249.24	309.09	3037.92	103.18%	121.59%	126.65%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	0.20	-	3.63	-	2.60	-	-	138.47%
<b>2.2</b>	<b>Doanh thu hoạt động dịch vụ khác</b>	<b>"</b>	<b>118.56</b>	<b>121.61</b>	<b>1400.69</b>	<b>132.08</b>	<b>1275.22</b>	<b>102.57%</b>	<b>94.03%</b>	<b>99.72%</b>

(Nguồn số liệu từ Cục Thống kê Quảng Trị)